



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **285** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **29** tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng
nông thôn mới năm 2023 đối với thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của UBND thành phố Quảng Ngãi tại Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 30/7/2024 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thành phố Quảng Ngãi hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2023; kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và đề xuất của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại các Công văn: số 5420/SNNPTNT-NTM ngày 19/11/2024 và số 5567/SNNPTNT-NTM ngày 28/11/2024, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ

xây dựng nông thôn mới đối với thành phố Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra: Từ ngày 09/8/2024 đến ngày 15/11/2024.

1. Về hồ sơ

UBND thành phố Quảng Ngãi đã có:

- Tờ trình đề nghị thẩm tra, xét công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;
- Tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao trên địa bàn thành phố;
- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố đến năm 2023;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân trên địa bàn thành phố về kết quả xây dựng nông thôn mới;
- Biên bản họp đề nghị xét, công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;
- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố;
- Hình ảnh minh họa, clip về kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Để đồng bộ, kịp thời, thống nhất có hiệu quả và thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đến năm 2025, tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành:

Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22/10/2020 của Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX; Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025; Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình MTQG XD NTM giai đoạn 2021-2025 và trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh về Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây

dựng nông thôn mới và một số Chương trình, dự án khác; Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh một số nội dung chi tiết kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác (đợt 2); Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 24/01/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh.

Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 18/02/2022 của Ban Chỉ đạo ban hành quy chế hoạt động của BCĐ Chương trình MTQG tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Quảng Ngãi chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác; Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã

nông thôn mới nâng cao, Quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của UBND tỉnh sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã NTM, Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao, Bộ tiêu chí huyện NTM và Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025, bổ sung tiêu chí huyện NTM đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của UBND tỉnh sửa đổi một số nội dung tại Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Thành phố Quảng Ngãi đã ban hành: Nghị quyết số 02-NQ/ĐH ngày 26/8/2020 của Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của HĐND thành phố khóa XI, kỳ họp thứ 17 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 4157/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND thành phố về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM thành phố Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM thành phố Quảng Ngãi năm 2023.

Quán triệt sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, thành phố Quảng Ngãi đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình; tiếp tục tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung chỉ đạo của trung ương, tỉnh về thực hiện chương trình; hàng năm có xây dựng kế hoạch, lộ trình và giải pháp cụ thể trong triển khai thực hiện; chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan liên quan kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã rà soát, đánh giá hiện trạng thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao theo quy định. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện chương trình trong thời gian qua, đồng thời rút ra nhiều kinh nghiệm, bài học áp dụng có hiệu quả trong thời gian đến. Đề công tác chỉ đạo, lãnh đạo được liên tục, xuyên suốt, thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới; đối với cấp xã (100% số xã) thành lập Ban Quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới; 100% số thôn trên địa bàn đều thành lập Ban Phát triển thôn. Bộ máy quản lý từ thành phố đến

xã hoàn thiện, đồng bộ, hoạt động có hiệu quả, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, đảm bảo lộ trình, giải pháp phù hợp trong việc phân đấu thành phố Quảng Ngãi hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

3. Về số xã, phường đạt chuẩn theo quy định

3.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn thành phố: 14 xã
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 14 xã.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 02 xã.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 14,28%.

3.2. Số phường đạt chuẩn theo quy định:

- Tổng số phường trên địa bàn thành phố: 09 phường.
- Số phường đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 09 phường.
- Tỷ lệ phường đạt chuẩn đô thị văn minh: 100%.

4. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã

4.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch:

100% số xã trên địa bàn thành phố đã hoàn thành quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, quy hoạch đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn và phù hợp với quy hoạch chung của thành phố; hiện các xã đang tổ chức thực hiện Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040 theo Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh.

Sau khi quy hoạch được phê duyệt, các xã đã tổ chức công bố công khai, niêm yết bản đồ quy hoạch tại UBND xã, nhà văn hóa các thôn để Nhân dân biết thực hiện. UBND thành phố ban hành quyết định quy định quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt đối với các xã.

Đã rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, môi trường nông thôn trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới, đảm bảo hài hòa giữa phát triển nông thôn với phát triển đô thị; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã.

Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040 đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt và ban hành tại Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/10/2021. Đồng thời, hiện tại UBND thành phố đang triển khai lập Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Quảng Ngãi để thay thế cho Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 02/6/2016.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch

4.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

- Về giao thông:

Năm 2011, hệ thống giao thông trên địa bàn các xã của thành phố chưa đáp ứng nhu cầu của phương tiện tham gia giao thông, đi lại và phục vụ vận chuyển hàng hóa của người dân trên địa bàn. Hệ thống đường giao thông được đầu tư đến trung tâm xã, các tuyến đường nối tới các thôn và khu đông dân cư còn thiếu; cụ thể: Đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa 52,961/91,367 km, đạt tỷ lệ 57,97%; đường trục thôn và đường liên thôn được cứng hóa 63,335/182,322 km, đạt tỷ lệ 34,74%; đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa 38,277/174,383 km, đạt tỷ lệ 21,95%; đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm 2,67/61,635 km, đạt tỷ lệ 4,33%.

Qua hơn 10 năm triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM, thành phố đã sử dụng hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước, vận động Nhân dân hiến đất, đóng góp công sức, kinh phí thực hiện nhựa hóa hoặc bê tông hóa được 527,866 km đường giao thông nông thôn. Trong quá trình thực hiện, các xã thường xuyên phát động Nhân dân, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tham gia dọn vệ sinh môi trường các tuyến đường, trồng hoa ven đường tạo cảnh quan khu dân cư; vận động người dân tự tháo dỡ công trình vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ. Kết quả cụ thể:

Đường xã được nhựa hóa, bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm là 91,367/91,367 km, đạt tỷ lệ 100%.

Đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm là 172,689/172,689 km, đạt tỷ lệ 100%.

Đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm là 199,577/213,538 km, đạt tỷ lệ 93,45% (quy định $\geq 70\%$).

Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm là 64,593/75,683 km, đạt tỷ lệ 85,35% (quy định $\geq 70\%$).

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 2 về Giao thông.

- Về thủy lợi:

Thành phố hiện có 36 công trình thủy lợi chính, trong đó: 15 trạm bơm, 02 đập ngăn mặn, 11 kè chống sạt lở, 02 mỏ hàn, 02 đê sông và 04 đê ngăn mặn; ngoài ra còn có hệ thống kênh mương thủy lợi.

Năm 2011, tổng chiều dài kênh mương loại III do xã quản lý đã được kiên cố hóa 25.783 m, đạt tỷ lệ 16,71%; tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động đạt 53,56% (3.404,13/6.355,43 ha); tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tưới chủ động đạt tỷ lệ 60,98% (4.411,9/7.234,64 ha).

Đến cuối năm 2023, toàn bộ 14 xã trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi đều đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động đạt 94,73% (*tổng diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới: 6.055 ha; tổng diện tích gieo trồng cả năm cần tưới theo kế hoạch: 6.391,7 ha*);

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tưới chủ động đạt 96,22%.

Tổng chiều dài kênh mương thủy lợi loại III do xã quản lý đến cuối năm 2023 đã được kiên cố hóa 124,02/ 158,83 km, đạt tỷ lệ 78,08%.

14 xã đều được đánh giá: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ; cụ thể, kết quả đánh giá Biểu thực hiện chỉ tiêu về phòng chống thiên tai cấp xã của 14 xã đều có mức “**đạt**” trở lên.

Hệ thống thủy lợi của tất cả các xã trên địa bàn thành phố đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất, dân sinh, đảm bảo phòng chống thiên tai và đáp ứng tốt yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai

- Về điện:

Năm 2011 hệ thống điện sinh hoạt trên địa bàn các xã chưa đạt tiêu chuẩn của ngành điện, nguồn điện cung cấp thiếu ổn định, chưa đáp ứng nhu cầu điện sản xuất và sinh hoạt của người dân.

Đến nay, hệ thống lưới điện của 14 xã đã được đầu tư, nâng cấp hoàn thiện, các xã của thành phố Quảng Ngãi đều nằm trong Dự án năng lượng nông thôn II (RE II) tỉnh Quảng Ngãi. Dự án đã thực hiện cải tạo và mở rộng lưới điện trung hạ thế vùng nông thôn của 72 xã thuộc 6 huyện đồng bằng của tỉnh Quảng Ngãi trong đó có các xã của thành phố Quảng Ngãi. Dự án hoàn thành đảm bảo các yêu cầu cấp điện cho các xã tham gia dự án. Bình quân mỗi xã đầu tư khoảng 03 tỷ đồng để xây dựng, nâng cấp cả phần trung áp và hạ áp theo đúng quy chuẩn; chất lượng lưới điện sau khi đầu tư được nâng lên. Hiện nay, trên địa bàn thành phố, lưới điện tại tất cả các xã đều được cải tạo, mở rộng bằng các dự án của ngành điện nên đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

100% số hộ trên địa bàn 14 xã của thành phố đều có sử dụng điện thường xuyên, đảm bảo có điện sử dụng hàng ngày, đủ nguồn năng lượng sử dụng cho các thiết bị sản xuất, sinh hoạt, chiếu sáng trong gia đình; trong đó tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt 100%.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 4 về điện

- Về trường học:

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM qua từng giai đoạn, thành phố đã chỉ đạo, tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp để hoàn thành tiêu chí về trường học, nhất là từ sau khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, chất lượng giáo dục các bậc học có nhiều chuyển biến tích cực. Với sự quyết tâm của ngành và địa phương, gắn với việc xây dựng nông thôn mới, công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đạt được kết quả cao. Thành phố Quảng Ngãi là một trong những địa phương có cơ sở vật chất trường học các cấp khá đồng bộ và khang trang trên địa bàn tỉnh.

Hiện tại, trên địa bàn thành phố có 06/06 trường trung học phổ thông có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 100%. Riêng trên địa bàn 14 xã có 38 cơ sở giáo dục công lập, gồm: 14 trường mầm non, 10 trường tiểu học, 09 trường trung học cơ sở, 05 trường tiểu học và THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 100%; số trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 là 33/38 trường, đạt 86,84%. Phần lớn các trường đều thực hiện trồng hoa, cây cảnh, cây xanh bóng mát tạo cảnh quan trường học xanh, sạch, đẹp, thoáng mát.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 5 về trường học

- Về cơ sở vật chất văn hóa:

14/14 xã trên địa bàn thành phố có Trung tâm văn hóa- thể thao xã, Hội trường đa năng xã, Nhà văn hóa xã, Khu thể thao xã, Nhà văn hóa thôn hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao thôn có diện tích và đảm bảo chỗ ngồi theo quy định; được trang bị đầy đủ các thiết chế như: Phòng, cờ, bục, tượng Bác, bàn, ghế, tăng âm, loa,... và các dụng cụ tập luyện thể thao các môn đơn giản ngoài trời như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông,... đảm bảo phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tập luyện thể dục, hội thi, hội thao, hội diễn của xã, thôn. Ngoài ra còn có các cơ sở thiết chế thể thao của tư nhân đầu tư trên địa bàn các xã như sân bóng đá mini, hồ bơi, các phòng tập yoga....góp phần phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục, thể thao của người dân.

Hầu hết các Trung tâm Văn hóa - Thể thao các xã có quy mô từ 250 chỗ ngồi trở lên, được đầu tư các trang thiết bị như bàn ghế, hệ thống âm thanh, sân khấu, tủ sách, sân bóng đá, bóng chuyền,... cơ bản đáp ứng quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch về quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã. Các nhà văn hóa thôn đều được trang bị hệ thống âm thanh, ánh sáng, phòng màn, bàn ghế, dụng cụ thể thao,... cơ bản đáp ứng phục vụ hội họp, hoạt động văn hoá, thể thao ở thôn; các khu thể thao thường gắn liền với khuôn viên nhà văn hóa, thường là các sân bóng đá

mini, sân bóng chuyền, sân cầu lông, bóng bàn,... Các nhà văn hóa, khu thể thao thôn hiện nay đã trở thành nơi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của Nhân dân, là nơi để tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, tổ chức học tập cộng đồng; một số nhà văn hóa thôn đã tận dụng để tổ chức các đám cưới theo nếp sống mới cho Nhân dân trong thôn. Nhìn chung, các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã đã phát huy được công năng sử dụng, là nơi tổ chức các hoạt động phục vụ các buổi sinh hoạt, hội họp, các hoạt động chính trị, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của xã; kịp thời phục vụ công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ chính trị của địa phương, góp phần xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Một số nhà văn hóa, trung tâm Văn hóa, thể thao xã hoạt động tốt như: Tịnh Kỳ, Nghĩa Phú, Nghĩa Dũng....

Có 14/14 xã có điểm vui chơi giải trí người già, trẻ em đặt ở trung tâm và khu thể thao xã, có 68/68 thôn có khu vui chơi dành cho người già và trẻ em có không gian hoạt động an toàn, có trang thiết bị, dụng cụ phục vụ vui chơi giải trí, và có nội dung phòng chống đuối nước cho trẻ em.

Có 68/68 thôn, tổ dân phố có Nhà văn hóa, có quy mô trên 100 chỗ ngồi được xây mới, nâng cấp, chỉnh trang đủ điều kiện phục vụ nhân dân sinh hoạt.

100% thiết chế nhà văn hóa thôn được bố trí đủ các công trình phụ trợ gồm: nhà vệ sinh, cột cờ, đài phát thanh, khuôn viên, vườn hoa, cổng, hàng rào,...lắp đặt trang thiết bị: tủ sách, khánh tiết, bàn ghế, loa máy, điện nước phục vụ hoạt động của khu dân cư theo quy định.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa

- Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

Thời gian qua thành phố Quảng Ngãi đã đầu tư xây mới 02 chợ (chợ Gò xã Tịnh An, chợ Trung tâm xã Tịnh Long); đầu tư, nâng cấp 02 chợ (chợ Tịnh Thiện, chợ Mới xã Tịnh Hòa) từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước và xã hội hóa sửa chữa, với tổng kinh phí hơn 10 tỷ đồng.

Thành phố Quảng Ngãi có 08/14 xã (*Tịnh An, Tịnh Thiện, Tịnh Châu, Tịnh Khê, Tịnh Long, Tịnh Hòa, Nghĩa Phú, Nghĩa Dũng*) có chợ nông thôn phù hợp với Quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; các chợ được đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp đáp ứng nhu cầu mua bán của bà con Nhân dân tại địa phương; đảm bảo đạt chuẩn nông thôn mới đối với tiêu chí 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

+ Thành phố Quảng Ngãi có 02/14 xã chưa có chợ (xã *Tịnh Ấn Tây, xã Tịnh Kỳ*), có 04/14 xã (xã *Tịnh Ấn Đông, xã Nghĩa Hà, xã Nghĩa An, xã*

Nghĩa Đồng) có quy hoạch chợ nhưng trong giai đoạn 2016-2025 chưa có nhu cầu đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa chợ vì cách trung tâm các xã này đến các xã có chợ lân cận không xa khoảng 1-2km. Do vậy việc đầu tư xây dựng Chợ chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2016 - 2025 của các xã này chưa cần thiết, không hiệu quả, gây lãng phí nguồn vốn; mặt khác trên địa bàn các xã này có các cửa hàng tổng hợp đáp ứng nhu cầu mua bán, tiêu dùng thiết yếu của người dân trên địa bàn xã. Việc xét công nhận 06 xã: *xã Tịnh Ấn Tây, xã Tịnh Kỳ, xã Tịnh Ấn Đông, xã Nghĩa Hà, xã Nghĩa An, xã Nghĩa Đồng* đạt chuẩn nông thôn mới đối với tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn đối với tiêu chí cửa hàng tổng hợp.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

- Về thông tin và truyền thông:

14/14 xã trên địa bàn thành phố có điểm phục vụ bưu chính viễn thông với diện tích xây dựng đảm bảo theo quy định; có trang thiết bị phục vụ nhu cầu liên lạc và phục vụ bưu chính, viễn thông tại xã; có treo biển tên điểm phục vụ cung cấp các dịch vụ thư có địa chỉ nhận. Có niêm yết giờ đóng mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ; có dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg. Có dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg.

14/14 xã đều có các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông như Vinaphone, Mobilephone và Viettel, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet của tất cả các thôn trên địa bàn các xã.

14/14 xã có đài truyền thanh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông như: Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020, Thông tư số 05/2022/TTBTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. 100% số thôn của 14 xã có hệ thống loa hoạt động.

Tỷ lệ máy tính/số cán bộ, công chức của xã đạt 100%; các xã đều có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng theo quy định và có trang thông tin điện tử phục vụ quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của 14 xã đạt trên 30%.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông.

- Về nhà ở dân cư:

Trong thời gian qua, từ nguồn huy động của các tổ chức, cá nhân và nguồn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ xây mới, sửa chữa nâng cấp 982 nhà ở; trong đó: xóa 322 nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, với tổng kinh phí hỗ trợ hơn 07 tỷ đồng, xây dựng mới, sửa chữa 660 nhà ở cho hộ gia đình người có

công cách mạng, với tổng kinh phí hỗ trợ 20,88 tỷ đồng. Bên cạnh đó, thành phố đã kêu gọi các tổ chức, những nhà hảo tâm xây dựng nhà tình nghĩa cho các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo trên địa bàn; tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân chỉnh trang nâng cấp, xây mới nhà ở, công trình vườn, ao, chuồng trại chăn nuôi. Từ đó, bộ mặt nông thôn ngày càng khang trang hơn. Đến cuối năm 2023, tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng đạt 94,3% (33.356/35.377 nhà); trên địa bàn 14 xã không còn nhà tạm, nhà dột nát.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư

4.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo:

- Về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản:

Sản xuất nông nghiệp tại các xã có bước phát triển toàn diện, rõ nét; tập trung tổ chức lại sản xuất, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi theo nhu cầu thị trường và liên kết sản xuất, gắn với tiêu thụ sản phẩm; nhiều dự án phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đem lại hiệu quả kinh tế cao và hình thành những vùng sản xuất hàng hóa tập trung, sản phẩm chủ lực có giá trị như: Vùng sản xuất rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP tại xã Nghĩa Dũng (10,22 ha), Nghĩa Hà (3,95 ha), Tịnh Long (1,2 ha), Tịnh Châu (2,6 ha); Thiết lập vùng trồng ớt phục vụ xuất khẩu với diện tích 12 ha tại xã Nghĩa Hà; đã được tỉnh cấp các mã vùng trồng: Rau diếp cá xã Tịnh Châu (1,19 ha), cây lúa xã Tịnh Ấn Tây (0,14 ha), cây dưa xiêm lùn da xanh xã Tịnh Khê (2,2 ha); xây dựng hạ tầng, kỹ thuật làng hoa Nghĩa Hà, quy mô 9,57 ha; 46 cơ sở chế biến nước mắm tại xã Nghĩa An, Tịnh Kỳ, Nghĩa Phú, với sản lượng bình quân 6.000 lít/năm; 15 cơ sở chế biến thủy, hải sản tại xã Tịnh Kỳ, sản lượng bình quân 90 tấn/năm; 35 trang trại, gia trại chăn nuôi, trong đó có 02 trang trại đủ điều kiện theo quy định với sản lượng hàng hóa đạt doanh thu trên 02 tỷ đồng/năm và 33 gia trại hoạt động hiệu quả (09 gia trại dê với quy mô 1.500 con, 18 gia trại chăn nuôi gà, với quy mô 50.000 con/ năm và 06 gia trại chăn nuôi gia súc khác); đã cơ bản chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi hàng hóa quy mô tập trung, đảm bảo an toàn dịch bệnh, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt từng bước được áp dụng.

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả, với tổng diện tích 23,31 ha, trong đó: 14,81 ha chuyển sang trồng cây hàng năm và 8,5 ha chuyển sang trồng cây lâu năm trên diện tích đất 01 vụ lúa, tại các xã: Tịnh Châu, Tịnh An, Tịnh Hòa, Nghĩa Dong, Nghĩa Dũng, Nghĩa Hà. Giá trị các loại cây trồng sau khi được chuyển đổi cho thu nhập cao hơn đất trồng lúa khoảng 15 - 20 triệu đồng/ha.

Hỗ trợ phát triển các Hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp trên địa bàn, xây dựng và phát triển một số sản phẩm chủ lực đạt tiêu chuẩn, chất lượng được công nhận đạt sản phẩm OCOP và trở thành sản phẩm đặc trưng của thành phố như đường phèn, đường phôi, cá bóng Sông Trà, nước

mắm, chả cá,... Đến cuối năm 2023, thành phố có 50 sản phẩm đạt OCOP, trong đó: 04 sản phẩm đạt 04 sao và 46 sản phẩm đạt 03 sao.

Thời gian qua, thành phố đã tập trung thực hiện các dự án cải tạo đàn bò lai, chăn nuôi thâm canh bò lai sinh sản và bò thịt chất lượng cao, đến nay tỷ lệ bò lai đạt 92% so với tổng đàn, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng thịt. Hàng năm, triển khai có hiệu quả công tác tiêm vắc xin, tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi nên giảm được nguy cơ dịch bệnh. Công tác phòng, chống cháy rừng, bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng.

Kinh tế biển có bước phát triển, diện mạo nông thôn và đô thị ven biển khởi sắc. Đến cuối năm 2023, thành phố có 1.539 tàu thuyền, chiếm khoảng 40% số tàu thuyền toàn tỉnh; Sản lượng thủy sản khai thác đạt 103.000 tấn, chiếm khoảng 34% so với tổng sản lượng toàn tỉnh.

Hình thành chuỗi liên kết bền vững trong sản xuất, tạo đầu ra ổn định cho nông sản, nâng cao thu nhập cho người dân, cụ thể: Đối với lĩnh vực trồng trọt có 05 dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm rau an toàn tại các xã Tịnh Ấn Đông, Tịnh Long, Nghĩa Hà, Tịnh Châu, Tịnh Khê. Đối với lĩnh vực chăn nuôi có 08 dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gà thả đồi, thả vườn, chăn nuôi dê Bách Thảo, thâm canh bò lai sinh sản và bò thịt chất lượng cao tại các xã Tịnh Ấn Tây, Tịnh Ấn Đông, Tịnh Thiện, Nghĩa Phú, Tịnh Khê, Tịnh An, Tịnh Hòa, Tịnh Thiện. Về thủy sản có 02 dự án: chế biến thủy, hải sản xã Tịnh Kỳ; chế biến nước mắm xã Nghĩa An.

Thành phố đẩy mạnh công tác dồn điền đổi thửa, đưa cơ giới hóa vào sản xuất; tổng diện tích thực hiện dồn điền đổi thửa 160 ha (năm 2018: 61,5 ha, năm 2019: 58,98 ha, năm 2020: 39,45 ha), với tổng kinh phí 3,882 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 3,411 tỷ đồng, ngân sách thành phố hỗ trợ 471 triệu đồng. Sau khi thực hiện dồn điền đổi thửa, chỉnh trang đồng ruộng, năng suất cây trồng tăng lên rõ rệt.

- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:

Tiếp tục duy trì phát triển ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với phát triển dịch vụ, đô thị và bảo vệ môi trường. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất tại các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp-xây dựng (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 7.380 tỷ đồng; theo giá hiện hành đạt 12.532 tỷ đồng, chiếm 41,62 % trong cơ cấu các ngành kinh tế. Một số mặt hàng truyền thống tiếp tục phát triển, tạo được thương hiệu như: Cá bóng Sông Trà, kẹo gương, đường phèn, đường phôi, nem chua, chả lụa, chả bò,...

Các loại hình dịch vụ tiếp tục phát triển nhanh, mở rộng về quy mô, đa dạng về hình thức, chất lượng được nâng lên; duy trì hoạt động ổn định các chợ truyền thống trên địa bàn xã, góp phần bình ổn thị trường, cung ứng hàng

hóa cho mạng lưới bán lẻ của thành phố. Nhiều dự án du lịch đang được đầu tư, triển khai thực hiện ở các xã như: Khu du lịch sinh thái tâm linh Thiên Mã, Khu du lịch ven sông Trà Khúc, Khu du lịch biển Mỹ Khê, Khu di tích Chiến khu Rừng dừa nước tại xã Tịnh Khê.

Trong những năm qua, ngành nghề nông thôn có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn góp phần nâng cao đời sống, xóa đói giảm nghèo cho một số bộ phận gia đình ở nông thôn. Các cơ sở hoạt động sản xuất có quy mô vừa và nhỏ, quy mô hộ gia đình vẫn tiếp tục được củng cố và ngày càng phát triển trên địa bàn thành phố. Hiện thành phố có 2.101 cơ sở hoạt động sản xuất trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn, với 3.349 lao động (trong đó: 3.221 lao động thường xuyên); thu nhập bình quân từ 7 - 8 triệu đồng/người/tháng, gồm các nhóm ngành nghề chủ yếu sau: Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, dệt may; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; nuôi trồng, kinh doanh sinh vật cảnh; dịch vụ nông nghiệp và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn. Sản phẩm ngành nghề nông thôn của thành phố chủ yếu sử dụng nguyên nhiên vật liệu sẵn có tại địa phương và một số tỉnh lân cận nên bảo đảm được nguồn nguyên liệu phục vụ cho việc sản xuất ổn định. Các sản phẩm được sản xuất với nhiều chủng loại, mẫu mã khá phong phú đáp ứng được yêu cầu của thị trường nội địa.

Việc phát triển các ngành nghề nông thôn ở các xã một cách bền vững đã tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Về thu nhập bình quân đầu người/năm:

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2023 đạt 55,83 triệu đồng/người/năm, tăng 30,13 triệu đồng/người/năm so với năm 2015 và tăng 39,23 triệu đồng/người/năm so với năm 2011.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập

- Về tỷ lệ nghèo đa chiều khu vực nông thôn của thành phố:

Năm 2014, tỷ lệ hộ nghèo của 14 xã trên địa bàn thành phố chiếm tỷ lệ 6,4% (2.239/34.973 hộ). Trong những năm qua, thành phố đã luôn quan tâm chỉ đạo việc thực hiện chính sách an sinh xã hội gắn với Chương trình xây dựng NTM; các chính sách, dự án, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững được các cấp ủy đảng, chính quyền từ thành phố đến xã triển khai thực hiện đồng bộ và đạt kết quả nhất định như: Giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận vốn vay ngân hàng chính sách, hỗ trợ về nhà ở, hỗ trợ phát triển sản xuất, ... Công tác vận động xây dựng “*Quỹ vì người nghèo*” đã được các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp, nhà hảo tâm quan tâm hỗ trợ; sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị đã khơi dậy ý chí vươn lên trong lao động sản xuất, thoát nghèo bền vững.

Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 của thành phố Quảng Ngãi (*được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 26/12/2023*) tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi là 0,92%, giảm 0,34% so với đầu kỳ (đầu năm 2022).

Đến cuối năm 2023 tỷ lệ nghèo đa chiều của 14 xã còn 1,81%; trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 0,26%, tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều là 1,55%.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều

- Về lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ:

Năm 2011, trên địa bàn 14 xã có 73.506 người trong độ tuổi lao động, trong đó: 49.640 người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động có việc làm, đạt tỷ lệ 67,53%. Thời gian qua, công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn được các cấp, các ngành từ tỉnh đến thành phố quan tâm thực hiện. Năm 2023, tổng số lao động trong độ tuổi lao động đang có việc làm trên địa bàn 14 xã là 78.701 người; trong đó, số lao động qua đào tạo đang có việc làm 62.992 người, đạt tỷ lệ 80,04% và tổng số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 37.619 người, đạt tỷ lệ 47,8%.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí về lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ

- Về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:

Hiện trên địa bàn 14 xã có 24 Hợp tác xã (HTX) đang hoạt động, với khoảng 9.500 thành viên; hoạt động phân theo ngành, lĩnh vực gồm: 15 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp tổng hợp, 06 HTX hoạt động trong lĩnh vực thủy sản và 03 HTX hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ; tổng số vốn điều lệ của các HTX là 17.550 triệu đồng; doanh thu bình quân năm 2023 đạt 270 triệu đồng/HTX, lợi nhuận bình quân đạt 39 triệu đồng/HTX. Cuối năm 2023, có 16 HTX được xếp loại hoạt động khá, 05 HTX hoạt động trung bình và 03 HTX hoạt động chưa hiệu quả.

Sau khi chuyển đổi và thành lập mới theo Luật HTX năm 2012, hầu hết các HTX đã có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước trẻ hóa đội ngũ cán bộ, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Nhiều HTX hoạt động có hiệu quả, phát huy tốt những tiềm năng, thế mạnh của địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, trong đó nổi bật là các hoạt động tuyên truyền nhằm quảng bá sản phẩm nông nghiệp địa phương (Dừa xiêm - Tịnh Khê), dịch vụ du lịch cộng đồng rừng dừa nước Tịnh Khê; công viên hoa làng Sung Tích tại xã Tịnh Long, du lịch trải nghiệm biển của HTX Du lịch cộng đồng làng chài Nghĩa An,... Ngoài ra, còn thành lập 03 tổ hợp tác, với 40 thành viên tham gia (gồm: 01 tổ hợp tác chăn nuôi gà tại xã Tịnh An, với 10

thành viên và 02 tổ hợp tác khai thác cát sạn ven bờ sông Trà Khúc tại xã Tịnh Ấn Đông, Tịnh Long, với 30 thành viên) và thành lập 02 tổ hội nghề nghiệp nông dân trồng hoa xã Nghĩa Hà, trồng rau diếp cá xã Tịnh Châu, với 40 thành viên tham gia để chủ động trao đổi, bàn bạc, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, trao đổi kiến thức khoa học kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất một cách có hiệu quả. Nhiều HTX đã lập kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm, phát triển các mô hình có giá trị kinh tế cao. Thực hiện ký kết hợp đồng với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh thực hiện mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi giá trị như: sản xuất lúa gạo hữu cơ chất lượng cao áp dụng các quy trình sản xuất lúa sạch và an toàn; mô hình cây ăn quả ngày càng phát triển, chăn nuôi gà thả vườn, đánh bắt, nuôi trồng thủy, hải sản..., các gia trại, trang trại được mở rộng,... nhằm ổn định thị trường nông sản ở địa phương, nâng cao mức thu nhập cho người dân. Các xã đều có tối thiểu 01 sản phẩm nông sản chủ lực của xã được các cơ sở sản xuất, kinh doanh thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm; sản phẩm nông sản chủ lực của xã được sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất tốt hoặc tiêu chuẩn chất lượng có chứng nhận được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận, còn hiệu lực.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

4.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:

- Về giáo dục và đào tạo:

Thành phố Quảng Ngãi là một trong những địa phương luôn quan tâm đến công tác phổ cập và xóa mù chữ. Các xã và trường học có nhiều giải pháp tích cực để nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất trường học, do đó kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đạt kết quả tốt.

Công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài, xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học, cộng đồng học tập ngày càng phát triển. Trung tâm học tập cộng đồng ở các xã phát huy được chức năng và vai trò trong việc nâng cao trình độ dân trí, tay nghề lao động nông thôn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Đến cuối năm 2023, 14/14 xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; trung tâm học tập cộng đồng tại 14 xã được xếp loại khá trở lên; số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở năm học 2022-2023 được tiếp tục học (*phổ thông trung học, bổ túc trung học, trung cấp chuyên nghiệp và nghề phổ thông*) năm học 2023-2024 là 1.631/1.801 học sinh, đạt tỷ lệ 90,56%.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo

- Về y tế:

Thời gian qua, tỉnh, thành phố đã tập trung đầu tư, nâng cấp các trạm y tế xã, mua sắm trang thiết bị y tế, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động, quản lý; quan tâm nâng cao trình độ chuyên môn, y đức cho đội ngũ cán bộ y tế xã; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế; mạng lưới y tế cơ sở ở nông thôn từng bước được củng cố và phát triển; chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh cho người dân ngày càng được nâng cao. Đã xây mới 07 trạm y tế xã (Nghĩa Đồng, Tịnh Ấn Đông, Tịnh An, Nghĩa An, Tịnh Châu, Tịnh Khê, Tịnh Hòa) và nâng cấp, sửa chữa các trạm y tế xã với tổng kinh phí hơn 20 tỷ đồng. Đến cuối năm 2023, 14/14 trạm y tế xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế và đạt chuẩn về tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế; tỷ lệ bình quân người dân tham gia bảo hiểm y tế của 14 xã đạt 93,69% (126.008/134.492 người).

Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em luôn được quan tâm, tiềm chủng mở rộng luôn được chú trọng triển khai; các Chương trình MTQG về y tế được thực hiện đầy đủ, kịp thời và cơ bản đạt kết quả tốt. Đến nay, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi của 14 xã còn 10,2%; 100% số trạm y tế có bác sĩ; tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt 73,26%.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 15 về y tế

- Về văn hóa:

Các gia đình luôn nâng cao ý thức tự giác, thực hiện nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các hương ước, quy ước của địa phương; tích cực vận động người dân trong thôn, xóm cùng thực hiện, nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội; tích cực tham gia công tác xã hội và các phong trào của địa phương. Đặc biệt trong phong trào xây dựng NTM, nhiều gia đình văn hóa đã tích cực tham gia và vận động bà con thôn, xóm hiến kế, hiến đất, ủng hộ tiền, ngày công lao động cùng cộng đồng dân cư hoàn thiện 19 tiêu chí quốc gia xây dựng NTM. Đồng thời, đưa nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục hệ giá trị gia đình trong thời kỳ mới vào hương ước, quy ước của dòng họ, cộng đồng. Các hộ gia đình tích cực tham gia đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, số gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa năm sau cao hơn năm trước. Hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa 03 năm liên tục đạt 89,16% (31.816/35.683 hộ).

Việc xây dựng thôn văn hóa ngày càng được các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn các xã đồng tình hưởng ứng, nhờ đó đã phát huy tác dụng thiết thực trong cuộc sống và trở thành những chuẩn mực về nếp sống, lối sống, quan hệ văn hóa cộng đồng. Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

cho người dân được thực hiện dưới nhiều hình thức đã mang lại hiệu quả thiết thực. Ý thức chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước của người dân ngày càng cao, góp phần giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tại cơ sở. Chính vì vậy, trong những năm qua, phong trào xây dựng thôn văn hóa đã có những chuyển biến đáng kể. Đến năm 2023, 67/68 thôn của 14 xã trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi đạt danh hiệu “Thôn văn hóa” năm 2023 theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ, đạt tỷ lệ 98,53%

Công tác kiểm tra các dịch vụ văn hóa và hoạt động văn hóa trên địa bàn được duy trì thường xuyên. Phần lớn các xã đều tổ chức tuyên truyền vận động Nhân dân hưởng ứng Phong trào “Thành phố Quảng Ngãi chung tay xây dựng NTM” gắn với thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”.

Phong trào xây dựng nếp sống văn hóa ngày càng được phát huy và phát triển sâu rộng. Hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền có nhiều đổi mới đa dạng về hình thức, nội dung, mang lại hiệu quả. Chất lượng hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng tại các khu dân cư được đẩy mạnh phát triển và ngày càng đa dạng, thiết thực.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa

- Về môi trường và an toàn thực phẩm:

Được sự quan tâm đầu tư của Trung ương, tỉnh, trong những năm qua hệ thống cung cấp nước sinh hoạt ở nông thôn được đầu tư phát triển. Đã xây mới, nâng cấp, sửa chữa 08 công trình hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn, gồm: Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Nghĩa Phú; Khê - Kỳ, xã Tịnh Kỳ; thôn Long Thành, xã Tịnh Thiện; thôn Minh Quang, xã Tịnh Hòa; công trình cấp nước cho 4 khu dân cư xã Tịnh Long (phục vụ dân sinh bị ảnh hưởng dự án đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh); công trình Di dân tái định cư tập trung dân vùng sạt lở ven sông xã Tịnh Long; công trình nước sạch thôn Đông Hòa, xã Tịnh Hòa; hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Vĩnh Sơn - Đông Thuận, xã Tịnh Hòa, với tổng kinh phí đầu tư 30,84 tỷ đồng. Nhờ đó, đến cuối năm 2023 tỷ lệ người dân nông thôn dùng nước hợp vệ sinh đạt 100%; đối với hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 25.285/36.466 hộ, đạt 69,3% (quy định $\geq 45\%$).

100% số cơ sở, hộ sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề trên địa bàn các xã của thành phố có cam kết và đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường;

Các địa phương luôn vận động Nhân dân thực hiện dọn vệ sinh môi trường định kỳ, không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung, nhiều trục đường chính trên địa bàn các xã được người dân

trồng hoa, cây xanh góp phần tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

Trên địa bàn thành phố có 09 phường (khu vực nội thị) và 14 xã (khu vực ngoại thị) đã có hệ thống cây xanh công cộng tại các công viên, vườn hoa, sân chơi với tổng diện tích khoảng 1.368.341m²; tổng dân số là 265.363 người (tính đến ngày 31/12/2023); tỷ lệ diện tích cây xanh sử dụng công cộng đạt 5,15m²/người.

Các xã đều có quy hoạch nghĩa trang và xây dựng quy chế quản lý, sử dụng nghĩa trang, quy hoạch nghĩa trang phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Việc mai táng phù hợp với phong tục tập quán và đảm bảo vệ sinh môi trường; các xã đang tập trung tuyên truyền, vận động Nhân dân giảm dần và cam kết sẽ ngừng việc chôn cất tại các nghĩa trang hiện có cho đến khi Nghĩa trang Nhân dân thành phố Quảng Ngãi đưa vào sử dụng (*Nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi - phù hợp với đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố đã được phê duyệt tại Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/10/2021*).

Hàng năm, thành phố đã hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường đô thị Quảng Ngãi tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải theo quy định, nhờ vậy đã nâng tỷ lệ chất thải ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý đạt gần 80%. Riêng chất thải y tế nguy hại từ các trạm y tế xã đã được Trung tâm y tế thành phố hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định.

Các xã đều thực hiện lắp đặt bi cống bê tông trên đồng ruộng để thu gom chai lọ, vỏ thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường

Đầu tư xây dựng, chuyển dời vị trí chuồng trại chăn nuôi, xây dựng hầm Biogas ra khu vực sau vườn nhà; 38.060 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt tỷ lệ 100%.

Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi của 14 xã trên địa bàn thành phố đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 15.517/16.842 cơ sở, đạt tỷ lệ 92,13% (quy định $\geq 75\%$).

Trên địa bàn 14 xã có 4.976 hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; có cam kết sản xuất thực phẩm an toàn, đạt tỷ lệ 100%.

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: 14/14 xã đạt trên 30% .

Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: 14/14 xã đạt trên 50%

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm

4.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh:

Cán bộ, công chức 14 xã: 269 người (*không kể lực lượng công an chính quy*) đạt chuẩn theo quy định;

Hệ thống chính trị xã hội của các xã đảm bảo, các tổ chức trong hệ thống chính trị luôn được quan tâm củng cố, kiện toàn đủ số lượng, đảm bảo chất lượng và hàng năm được đánh giá xếp loại khá trở lên.

Năm 2023, Đảng bộ các xã được Thành uỷ Quảng Ngãi xếp loại tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; chính quyền các xã được UBND thành phố đánh giá, phân loại đạt loại Khá trở lên; 100% số xã đều đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được Chủ tịch UBND thành phố công nhận tại Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 05/02/2024.

Công tác cán bộ nữ được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy cấp xã đạt 58% (29/50 người); 14/14 xã đảm bảo theo quy định bộ tiêu chí nông thôn mới về nữ lãnh đạo chủ chốt cấp xã (bao gồm các chức danh: Bí thư Đảng ủy xã, Phó Bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch HĐND xã, Phó Chủ tịch HĐND xã, Chủ tịch UBND xã, Phó Chủ tịch UBND xã). Từ nguồn vốn tín dụng đảm bảo cho tất cả các đối tượng nên trong những năm qua các xã đảm bảo đạt chuẩn nội dung 100% phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật có nhu cầu, còn khả năng lao động được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục kiến thức pháp luật được tăng cường nên tình trạng tảo hôn, cưỡng ép hôn đã chấm dứt. Đến nay 100% các xã không phát hiện có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn theo biên bản cam kết của công an xã và tư pháp các xã. Mỗi tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh của xã: Trên địa bàn các xã, phường của thành phố hệ thống loa phát thanh đảm bảo phục vụ công tác tuyên truyền nên trong những năm qua các xã đạt chuẩn nông thôn mới thường xuyên duy trì công tác tuyên truyền về bình đẳng giới, mỗi tháng các xã có trên 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh của xã. 100% số xã đều đã thành lập địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh tại cộng đồng đảm bảo theo quy định.

Các xã trên địa bàn thành phố đều có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn, cụ thể: Có phối hợp, lồng ghép, cử học viên thuộc đối tượng bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn tham dự các lớp bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban phát triển thôn do huyện, tỉnh, trung ương tổ chức; Bên cạnh đó, UBND các xã đã tổ chức triển khai thường xuyên và liên tục bằng nhiều hình thức phong phú như tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh xã, lồng ghép thông qua các hoạt động sinh hoạt tập thể, các

hội nghị, các cuộc họp tại thôn,... về các chủ trương, chính sách của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phản ánh tình hình triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người dân... để người dân, cộng đồng dân cư xác định rõ trách nhiệm của vai trò chủ thể trực tiếp thực hiện xây dựng nông thôn mới với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng”; có văn bản cử cán bộ, công chức tham gia các đợt bồi dưỡng kiến thức do huyện, tỉnh, trung ương tổ chức về chương trình xây dựng nông thôn mới; UBND thành phố có báo cáo xác nhận, đánh giá kết quả triển khai thực hiện của các xã đối với nội dung này.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh

4.6. Về quốc phòng và an ninh, trật tự xã hội:

- Về quốc phòng:

Hàng năm, Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, UBND các xã căn cứ nghị quyết, chỉ thị của cấp trên để ban hành đầy đủ các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; xây dựng kế hoạch huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân, giai đoạn 2021-2025; tham mưu xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các văn kiện, quy chế, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương; tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định.

Ban chỉ huy quân sự cấp xã đều có đủ 04 chức danh; đúng cơ cấu, thành phần; số lượng cán bộ Phó chỉ huy trưởng đảm bảo; trình độ chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng đều có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở, trong đó có 75% trở lên đạt trình độ cao đẳng, đại học. Hàng năm, được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và chuyên môn theo quy định. Có trụ sở làm việc riêng; có trang bị, thiết bị làm việc theo quy định của pháp luật.

Thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức về quốc phòng và an ninh cho toàn dân; bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4; giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh theo quy định của pháp luật.

Tổ chức biên chế lực lượng dân quân có chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật; có tổ chức chỉ bộ quân sự cấp xã, duy trì hoạt động nề nếp, hiệu quả theo đúng quy định của Ban Tổ chức Trung ương; làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân xã, nâng tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân trên 18% (theo Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng); thôn đội trưởng, tiểu đội

trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân cơ động là đảng viên. Hằng năm, được giáo dục chính trị - pháp luật, tập huấn, huấn luyện quân sự, pháp luật đủ nội dung, thời gian, chương trình theo quy định. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; duy trì hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân xã với các lực lượng khác; tổ chức lực lượng dân quân xã tham gia làm nòng cốt trong Đội xung kích phòng chống thiên tai ở cấp xã; tham gia diễn tập chiến đấu trong KVPT và diễn tập phòng thủ dân sự theo kế hoạch, bảo đảm an toàn. Hằng năm, tổ chức thực hiện tốt trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân; xét duyệt, tuyển chọn DQTV và trao quyết định công nhận dân quân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân cấp xã theo quy định của pháp luật.

Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị theo quy định của Luật Lực lượng dự bị động viên; sẵn sàng động viên khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.

Thực hiện tốt công tác tuyển quân, tuyển sinh đăng ký, quản lý công dân nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, sẵn sàng nhập ngũ; hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng, đúng pháp luật. Thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự theo hướng dẫn hằng năm của Bộ Quốc phòng.

Thực hiện đúng chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên; chính sách hậu phương quân đội theo quy định của pháp luật. Giải quyết tốt các vấn đề mới nảy sinh, không để xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng ở địa phương.

Thực hiện có hiệu quả việc kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Quốc phòng và Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ.

Quán triệt và tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức, trách nhiệm về quốc phòng, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; cử thành viên tham gia trong facebook “Tôi yêu chiến sỹ sao vuông” và “Yêu người chiến sỹ Dân quân tự vệ Việt Nam”; tham gia đấu tranh chống các thế lực thù địch trên không gian mạng.

Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên.

- Về an ninh, trật tự xã hội:

Công an các xã hằng năm đều có tham mưu Đảng ủy xã có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (ANTQ).

Ban Chỉ đạo 138 các cấp thường xuyên có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện hiệu quả Thông tư số 124/2021/TT-BCA của Bộ Công an, nhất là công tác giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn nông thôn, phục vụ xây dựng nông thôn mới. Qua đó, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn các xã thời gian qua được giữ vững ổn định, không xảy ra các hoạt động theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2021/TT-BCA. Năm 2023, 14/14 xã được UBND thành phố Quảng Ngãi công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” tại Quyết định số 5501/QĐ-UBND ngày 06/11/2023.

Công an từ tỉnh đến cơ sở đã chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, đối tượng, kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo giải quyết các vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện trong Nhân dân ngay từ đầu, không để phức tạp kéo dài, hình thành “điểm nóng” về ANTT, nhất là các vụ việc liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế, làm đường giao thông, xây dựng nông thôn mới... Qua đó, trong năm 2023, tình hình an ninh nông thôn tại 14 xã của thành phố Quảng Ngãi đảm bảo ổn định, không xảy ra các vụ khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật.

Công an các đơn vị, địa phương đã tăng cường hỗ trợ Công an các xã trong công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm xâm phạm trật tự xã hội ở địa bàn nông thôn; tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, giải pháp về phòng ngừa, đấu tranh đối với một số tội phạm, như: tội phạm giết người do nguyên nhân xã hội, tội phạm ma túy, tội phạm mua bán người, tội phạm xâm hại trẻ em... Qua đó, trong năm 2023, tại 14 xã thuộc thành phố Quảng Ngãi không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Công an 14 xã đã tham mưu cấp ủy, chính quyền ủy, Ban Chỉ đạo 138 cùng cấp chỉ đạo triển khai thực hiện nhiều chủ trương, giải pháp thực hiện hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy nhằm thực hiện mục tiêu kiềm chế, kéo giảm tội phạm xâm phạm trật tự xã hội, tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ. Qua đó, trong năm 2023, số vụ phạm tội về trật tự xã hội, tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ tại các xã được kiềm chế và kéo giảm, đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Đến năm 2023, các xã thuộc thành phố đều có ít nhất một mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gắn với phong trào toàn dân bảo vệ ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Một số mô hình đang phát huy hiệu quả hoạt động trong công tác bảo đảm ANTT, phục vụ xây dựng nông thôn mới được các

địa phương nhân rộng, như: “Hộ an toàn - Thôn bình yên - Xã đạt tiêu chí ANTT trong xây dựng nông thôn mới”, “Camera giám sát ANTT”, “Tổ liên gia an toàn về phòng cháy, chữa cháy”, “Điểm chữa cháy công cộng”.

Năm 2023, 14/14 xã của thành phố không thuộc địa bàn xã phức tạp về tội phạm xâm phạm trật tự xã hội theo Quyết định số 8793/QĐ-BCA.

Năm 2023, Công an 14/14 xã đều hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu công tác do Công an cấp trên giao. Tuy nhiên, qua đánh giá, xếp loại năm 2023, có 12/14 xã đạt “Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ”, 02/14 xã được đánh giá, xếp loại “Đơn vị hoàn thành nhiệm vụ”. Nguyên nhân 02 xã bị xếp loại hoàn thành nhiệm vụ vì lý do đơn vị có cán chiến sĩ vi phạm kế hoạch hóa gia đình (sinh con thứ 3) nên bị xử lý kỷ luật về Đảng. Xét nội dung vi phạm của cán bộ chiến sĩ không ảnh hưởng tình hình ANTT tại địa phương và không liên quan đến trực tiếp đến việc thực hiện Chỉ tiêu 19.2 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; do đó, đánh giá 14/14 xã đạt yêu cầu này.

Đánh giá chung: 14/14 xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh, trật tự xã hội

5. Về đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị trên địa bàn thành phố:

Trong những năm gần đây, công tác quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố được quan tâm. Hằng năm, UBND thành phố tổ chức trồng, chăm sóc, duy trì, cắt tỉa cây xanh, góp phần tạo dựng bộ mặt đô thị xanh, sạch, đẹp.

Hiện trên địa bàn thành phố có 09 phường và 14 xã có hệ thống cây xanh công cộng tại các công viên, vườn hoa, sân chơi với tổng diện tích cây xanh sử dụng công cộng 1.672.965 m²; tổng dân số theo niên giám thống kê 265.363 người; tỷ lệ diện tích cây xanh sử dụng công cộng là 6,3 m²/người.

Đánh giá chung: Đạt chuẩn theo quy định

6. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố:

Căn cứ Công văn 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tiêu chí xác định nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Qua kiểm tra, rà soát các công trình, dự án đầu tư thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã xác nhận: đến nay, trên địa bàn thành phố không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới.

7. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao:

- Về quan điểm:

Xây dựng nông thôn mới được xác định là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; xây dựng nông thôn mới là hướng đến thực hiện việc thu hẹp khoảng cách sự phát triển giữa thành thị và nông thôn; xây dựng nông thôn mới có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc.

- Mục tiêu:

+ Mục tiêu chung: Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và hiện đại, gắn với quá trình đô thị hoá, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; đời sống nông thôn giàu bản sắc văn hoá truyền thống, đưa nông thôn trở thành nơi đáng sống.

+ Mục tiêu cụ thể: Phân đầu đến năm 2025:

14/14 xã NTM giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới (*đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*);

Xây dựng 12/14 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 82 triệu đồng/người/năm; trong đó khu vực nông thôn đạt trên 65 triệu đồng/người/năm.

100% số km đường trục thôn, đường liên thôn; đường ngõ, xóm và đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc cứng hóa.

Tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương loại III do xã quản lý đạt 85%; diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 100%.

100% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được công nhận đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó có 100% trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và 50% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

100% nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng; trên địa bàn không còn nhà tạm, nhà dột nát.

Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm từ 0,4 đến 0,6%.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 65%.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 97% so với dân số.

100% người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh.

Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt ở đô thị đạt 100%, ở nông thôn đạt trên 90%.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

2. Về số xã phường đạt chuẩn theo quy định

- Đối với xã: 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (*đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025*), trong đó có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Đối với phường: 100% số phường đạt chuẩn đô thị văn minh.

3. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã

100% số xã trên địa bàn thành phố (14/14 xã) được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; tiếp tục đầu tư, duy trì giữ vững, nâng cao chất lượng tiêu chí, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố

Thành phố Quảng Ngãi không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

III. KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới) tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2023./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- UBND thành phố Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ, TTPV&KSTTHC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN(tnh631).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

